

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà
trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1581/TTr-STC ngày 05 tháng 11 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định giá tính lệ phí trước bạ và tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại để làm cơ sở tính lệ phí trước bạ đối với nhà ở, nhà kho, nhà xưởng, nhà chuyên dùng khác (sau đây gọi chung là nhà) trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Các nội dung khác có liên quan đến giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ và Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp lệ phí trước bạ đối với nhà theo quy định.

2. Các cơ quan có liên quan đến việc tính và thu lệ phí trước bạ.

Điều 3. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà được xác định như sau:

Giá tính lệ phí trước bạ nhà (đồng)	=	Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ (m ²)	x	Giá 01 (một) mét vuông (đồng/m ²) nhà	x	Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ
-------------------------------------	---	--	---	---	---	---

Trong đó:

1. Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích công trình phụ kèm theo) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Giá 01 (một) m² nhà được xác định theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ được xác định như sau:

a) Khai lệ phí trước bạ lần đầu:

- Đối với nhà có thời gian đã sử dụng dưới 5 năm: 100%;

- Đối với nhà có thời gian đã sử dụng từ 05 năm trở lên thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại tương ứng với kê khai lệ phí trước bạ nhà từ lần thứ 2 trở đi.

b) Khai lệ phí trước bạ nhà ở từ lần thứ 2 trở đi:

- Đối với nhà ở:

Thời gian đã sử dụng	Tỷ lệ % chất lượng còn lại		
	Loại 1	Loại 2	Loại 3
- Dưới 5 năm	95	90	80
- Từ 5 đến 10 năm	85	80	65
- Trên 10 năm đến 20 năm	70	55	35
- Trên 20 năm đến 50 năm	50	35	25
- Trên 50 năm	30	25	20

- Đối với nhà kho, nhà xưởng, nhà chuyên dùng khác:

Thời gian đã sử dụng	Tỷ lệ % chất lượng còn lại		
	Loại 1	Loại 2 và 3	Loại 4 và 5
- Dưới 5 năm	95	90	80
- Từ 5 đến 10 năm	85	80	65
- Trên 10 năm đến 20 năm	70	55	35
- Trên 20 năm đến 50 năm	50	35	25
- Trên 50 năm	30	25	20

Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì theo năm mua hoặc nhận nhà.

Điều 4. Cục Thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn cho các cơ quan thuế trực thuộc xác định và thu lệ phí trước bạ theo quy định tại Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh loại nhà chưa quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 Quyết định này, Cục Thuế có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo gửi Sở Xây dựng để chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2018.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website Chính phủ; Website tỉnh An Giang;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH, TT. Công báo - Tin học.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dk

Lê Văn Nung